

SÁCH HƯỚNG DẪN ĐỊNH LOẠI CÁC LOÀI RÙA CẠN VÀ RÙA NƯỚC NGỌT VIỆT NAM



2022
(Tái bản lần thứ 3)

Douglas B.Hendrie, Bùi Đăng Phong, Tim McCormack, Hoàng Văn Hà,
Peter Paul van Dijk, Nguyễn Tài Thắng, Nguyễn Thành Luân

Lời cảm ơn

Sách hướng dẫn định loại các loài rùa cạn và rùa nước ngọt Việt Nam được phát triển bởi Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên (ENV), Trung tâm Bảo tồn Rùa (TCC) thuộc Vườn Quốc gia Cúc Phương và Chương trình Bảo tồn Rùa châu Á (ATP) thuộc Tổ chức Indo-Myanmar Conservation (IMC).

Tác giả

Douglas B.Hendrie
Bùi Đăng Phong
Tim McCormack
Hoàng Văn Hà
Peter Paul van Dijk
Nguyễn Tài Thắng
Nguyễn Thành Luân

Phát triển và biên dịch:

Nguyễn Thị Vân Anh
Vũ Thị Thúy Hằng
Thiếu Thị Bình
Trần Thị Thùy Dương
Phạm Như Quỳnh
Kiều Ngọc Bích

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn các cá nhân sau đã chia sẻ nguồn ảnh và tài liệu:

Hoàng Văn Thái
Sun Yoeung
Kim Chamnam
Phạm Thế Cường
Ayushi Jain

Gerald Kuchling
Annette Olsson
Torsten Blanck
Sitha Som
Nguyễn Thu Thủy

Paul Crowe
Koulang
Chris Hagen
David Emmett

Mục lục

Tổng quan pháp luật bảo vệ các loài rùa cạn và rùa nước ngọt	4
Danh sách các loài rùa cạn và rùa nước ngọt Việt Nam	6
Rùa đầu to (<i>Platysternon megacephalum</i>)	8
Rùa hộp lưng đen (<i>Cuora amboinensis</i>)	10
Rùa hộp trán vàng miền Bắc (<i>Cuora galbinifrons</i>)	12
Rùa hộp trán vàng miền Trung (<i>Cuora bourreti</i>)	14
Rùa hộp trán vàng miền Nam (<i>Cuora picturata</i>)	16
Rùa sa nhân (<i>Cuora mouhotii</i>)	18
Rùa hộp ba vạch (<i>Cuora cyclornata</i>)	20
Rùa đất Sê-pôn (<i>Cyclemys oldhamii</i>)	22
Rùa đất Pul-kin (<i>Cyclemys pulchristriata</i>)	24
Rùa đất A-tri-pôn (<i>Cyclemys atripons</i>)	26
Rùa đất Speng-lơ (<i>Geoemyda spengleri</i>)	28
Rùa đất lớn (<i>Heosemys grandis</i>)	30
Rùa răng (<i>Heosemys annandalii</i>)	32
Rùa ba gờ (<i>Malayemys subtrijuga</i>)	34
Rùa Trung Bộ (<i>Mauremys annamensis</i>)	36
Rùa câm (<i>Mauremys mutica</i>)	38
Rùa cổ sọc (<i>Mauremys sinensis</i>)	40
Rùa bốn mắt (<i>Sacalia quadriocellata</i>)	42
Rùa cổ bự (<i>Siebenrockiella crassicollis</i>)	44
Rùa núi vàng (<i>Indotestudo elongata</i>)	46
Rùa núi viền (<i>Manouria impressa</i>)	48
Ba ba Nam Bộ (<i>Amyda ornata</i>)	50
Ba ba gai (<i>Palea steindachneri</i>)	52
Giải (<i>Pelochelys cantorii</i>)	54
Ba ba bụng đốm (<i>Pelodiscus variegatus</i>)	56
Giải Sin-hoe (<i>Rafetus swinhoei</i>)	58
Ba ba trơn (<i>Pelodiscus sinensis</i>)	60
Rùa tai đỏ (<i>Trachemyscripta elegans</i>)	62
So sánh các loài tương tự	64
Xử lý các vụ tịch thu rùa	72

TỔNG QUAN PHÁP LUẬT BẢO VỆ CÁC LOÀI RỪA CẠN VÀ RỪA NƯỚC NGỌT

Tất cả các loài rùa cạn và rùa nước ngọt bản địa của Việt Nam đều được bảo vệ theo các quy định của pháp luật Việt Nam và quốc tế. Theo đó, mọi hành vi săn, bắt, nuôi, nhốt, giết, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán, thu thập mẫu vật các loài rùa cạn và rùa nước ngọt trái quy định của pháp luật đều là những hành vi bị nghiêm cấm.

Hiện nay, có 8 loài rùa cạn và rùa nước ngọt được liệt kê trong Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 64/2019/NĐ-CP, về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ của Chính phủ (sau đây gọi tắt là NĐ160). Đây là nhóm loài được bảo vệ ở cấp độ cao nhất theo quy định của pháp luật. Mọi hành vi vi phạm đối với cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống và sản phẩm của các loài này đều có thể bị xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự với mức phạt tối đa lên đến 15 năm tù đối với cá nhân hoặc 15 tỷ đồng đối với pháp nhân.

Việt Nam có 26 loài rùa cạn và rùa nước ngọt bản địa được liệt kê trong các Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (sau đây gọi tắt là CITES). Trong đó, 4 loài được liệt kê tại Phụ lục I, 20 loài được liệt kê tại Phụ lục II và 1 loài được liệt kê tại Phụ lục III. Bên cạnh đó, Nghị định số 06/2019/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 84/2021/NĐ-CP, về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp của Chính phủ (sau đây gọi tắt là NĐ06) cũng đưa 8 loài rùa cạn và rùa nước ngọt bản địa vào nhóm IB và 15 loài vào nhóm IIB trong Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm ban hành kèm theo Nghị định này.

Các hành vi vi phạm đối với loài thuộc Phụ lục I, II CITES, nhóm IB hoặc IIB hoặc với các loài rùa thông thường; cá thể, bộ phận cơ thể và sản phẩm của các loài này tùy theo tính chất, mức độ có thể bị xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 với mức tối đa lên đến 15 năm tù hoặc xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt tối đa lên đến 400 triệu đồng đối với cá nhân theo quy định của Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp.

Một số loài rùa có thể đồng thời được liệt kê trong nhiều danh mục khác nhau như rùa Trung Bộ (Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, Phụ lục I CITES, và Nhóm IB); rùa hộp ba vạch (Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, Phụ lục II CITES, và Nhóm IB); rùa hộp trán vàng miền Bắc (Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, Phụ lục II CITES, và Nhóm IB); rùa đầu to (Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, Phụ lục I CITES, và Nhóm IB). Trong trường hợp đồng thời được liệt kê trong các danh mục bảo vệ khác nhau, thứ tự ưu tiên áp dụng khi xử lý vi phạm sẽ là (1) Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; (2) Nhóm IB và Phụ lục I CITES; và (3) Nhóm IIB và Phụ lục II CITES. Các loài rùa cạn và rùa nước ngọt không có tên trong các phụ lục, danh mục được bảo vệ được coi là loài thông thường nhưng chỉ được phép khai thác, nuôi nhốt, vận chuyển hoặc buôn bán nếu có giấy tờ chứng minh nguồn gốc hợp pháp được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp và được bảo vệ theo quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017.

Riêng loài rùa tai đỏ (*Trachemys scripta elegans*) thuộc Danh mục loài ngoại lai xâm hại được ban hành kèm theo Thông tư 35/2018/TT-BTNMT ngày 28/12/2018 về tiêu chí xác định và ban hành Danh mục loài ngoại lai xâm hại. Căn cứ Nghị định số 155/2016/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 55/2021/NĐ-CP, quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, các hành vi nuôi, lưu giữ, vận chuyển, trồng, cấy, xuất khẩu, nhập khẩu loài ngoại lai xâm hại sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính lên đến 1 tỷ đồng đối với cá nhân tùy theo mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm.

Các khái niệm về thứ hạng và tiêu chuẩn của IUCN cho Danh lục Đỏ thế giới (Phiên bản 3.1, tái bản lần thứ 2, năm 2012).

Tuyệt chủng (EX)	Một loài được coi là đã tuyệt chủng khi không còn nghi ngờ là cá thể cuối cùng của loài đó đã chết.
Tuyệt chủng ngoài thiên nhiên (EW)	Một loài được coi là đã tuyệt chủng ngoài thiên nhiên khi chỉ còn thấy loài trong điều kiện nuôi trồng, nuôi nhốt, hoặc có một (hoặc nhiều) quần thể đã tự nhiên hóa trở lại bên ngoài vùng phân bố lịch sử.
Rất nguy cấp (CR)	Một loài được coi là rất nguy cấp khi đang đứng trước một nguy cơ cực kỳ lớn sẽ bị tuyệt chủng ngoài thiên nhiên trong một tương lai trước mắt .
Nguy cấp (EN)	Một loài được coi là nguy cấp khi chưa phải là rất nguy cấp nhưng đang đứng trước một nguy cơ rất lớn sẽ bị tuyệt chủng ngoài thiên nhiên trong một tương lai gần .
Sẽ nguy cấp (VU)	Một loài được coi là sẽ nguy cấp khi chưa phải là rất nguy cấp hoặc nguy cấp nhưng đang đứng trước một nguy cơ lớn sẽ bị tuyệt chủng ngoài thiên nhiên trong một tương lai tương đối gần .
Sắp bị đe dọa (NT)	Một loài được coi là sắp bị đe dọa khi chưa phải là rất nguy cấp , nguy cấp , hoặc sẽ nguy cấp ở thời điểm hiện tại nhưng gần đủ tiêu chuẩn hoặc có khả năng đủ tiêu chuẩn cho thứ hạng sẽ nguy cấp trong một tương lai tương đối gần.
Ít lo ngại (LC)	Một loài được coi là ít lo ngại khi chưa phải là rất nguy cấp , nguy cấp , sẽ nguy cấp , hoặc sắp bị đe dọa .
Thiếu dẫn liệu (DD)	Một loài được coi là thiếu dẫn liệu khi chưa đủ thông tin cần thiết để có thể đánh giá về nguy cơ tuyệt chủng.
Không đánh giá (NE)	Một loài được coi là không đánh giá khi chưa được đối chiếu với các tiêu chuẩn phân hạng.

DANH SÁCH CÁC LOÀI RÙA CẠN VÀ RÙA NƯỚC NGỌT VIỆT NAM

Họ/Loài	Tên thường gọi	Hiện trạng bảo tồn		Pháp luật bảo vệ			
		IUCN	SĐVN	CITES	LĐT	NĐ160	NĐ06
Họ rùa đầu to (Platysternidae)							
<i>Platysternon megacephalum</i>	Rùa đầu to	CR (2021)	EN	I	X	X	IB
Họ rùa đầm (Geoemydidae)							
<i>Cuora amboinensis</i>	Rùa hộp lưng đen	EN (2020)	VU	II			IIB
<i>Cuora galbinifrons</i>	Rùa hộp trán vàng miền Bắc	CR (2020)	EN	II	X	X	IB
<i>Cuora bourreti</i>	Rùa hộp trán vàng miền Trung	CR (2020)	EN	I	X	X	IB
<i>Cuora picturata</i>	Rùa hộp trán vàng miền Nam	CR (2020)	EN	I	X	X	IB
<i>Cuora mouhotii</i>	Rùa sa nhân	EN (2020)		II			IIB
<i>Cuora cyclornata</i>	Rùa hộp ba vạch	CR (2020)	CR	II		X	IB
<i>Cyclemys oldhamii</i>	Rùa đất Sê-pôn	EN (2021)		II			IIB
<i>Cyclemys pulchristriata</i>	Rùa đất Pul-kin	EN (2021)		II			IIB
<i>Cyclemys atripons</i>	Rùa đất A-tri-pôn	EN (2021)		II			
<i>Geoemyda spengleri</i>	Rùa đất Speng-lơ	EN (2020)		II			IIB
<i>Heosemys grandis</i>	Rùa đất lớn	CR (2021)	VU	II			IIB
<i>Heosemys annandalii</i>	Rùa răng	CR (2021)	EN	II			IIB
<i>Malayemys subtrijuga</i>	Rùa ba gờ	NT (2021)	VU	II			IIB
<i>Mauremys annamensis</i>	Rùa Trung Bộ	CR (2020)	CR	I	X	X	IB
<i>Mauremys mutica</i>	Rùa câm	CR (2021)		II			IIB
<i>Mauremys sinensis</i>	Rùa cổ sọc	CR (2021)		III			

Họ/Loài	Tên thường gọi	Hiện trạng bảo tồn		Pháp luật bảo vệ			
		IUCN	SĐVN	CITES	LĐT	NĐ160	NĐ06
<i>Sacalia quadriocellata</i>	Rùa bốn mắt	CR (2021)		II			IIB
<i>Siebenrockiella crassicollis</i>	Rùa cổ bự	EN (2021)		II			IIB
Họ rùa cạn/rùa núi (Testudinidae)							
<i>Indotestudo elongata</i>	Rùa núi vàng	CR (2019)	EN	II			IIB
<i>Manouria impressa</i>	Rùa núi viễn	EN (2021)	VU	II			IIB
Họ rùa mai mềm/ba ba (Trionychidae)							
<i>Amyda ornata</i>	Ba ba Nam Bộ	VU (2016)	VU	II			IIB
<i>Palea steindachneri</i>	Ba ba gai	CR (2021)	VU	II			IIB
<i>Pelochelys cantorii</i>	Giải	CR (2021)	EN	II	X	X	IB
<i>Pelodiscus variegatus</i>	Ba ba bụng đốm						
<i>Rafetus swinhoei</i>	Giải Sin-hoe	CR (2021)	CR	II	X	X	IB

Chú thích:

IUCN	Danh lục Đỏ IUCN	LĐT	Luật đầu tư 2020
SĐVN	Sách Đỏ Việt Nam (2007)	CR	Rất nguy cấp
CITES	Công ước về buôn bán quốc tế động, thực vật hoang dã nguy cấp	EN	Nguy cấp
NĐ06	Nghị định 06/2019/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 84/2021/NĐ-CP	VU	Sắp nguy cấp
NĐ160	Nghị định 160/2013/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 64/2019/NĐ-CP	NT	Sắp bị đe dọa

(*Platysternon megacephalum*)

(*Platysternon megacephalum*)



CITES: Phụ lục I

NĐ06: Nhóm IB

**Sách Đỏ Việt Nam (2007):
Nguy cấp**

**Danh lục Đỏ IUCN (2021):
Rất nguy cấp**

Sống ở khu vực vùng núi

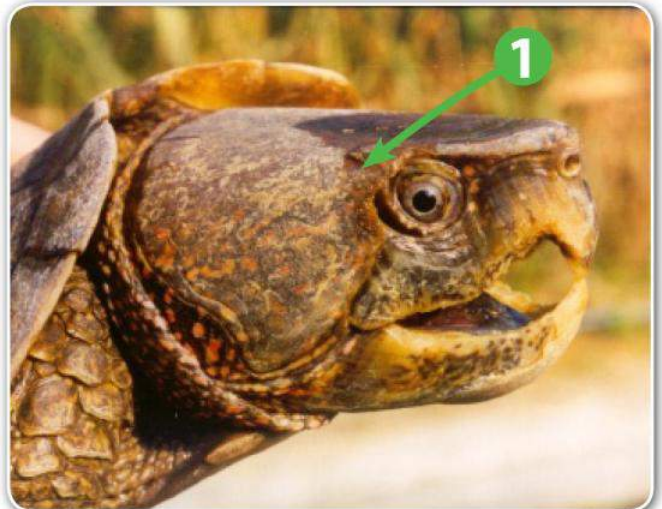
Việt Nam: Khu vực miền Bắc, miền Trung và Tây Nguyên

Trên thế giới: Cam-pu-chia, Trung Quốc, Hồng Kông, Mi-an-ma và Thái Lan

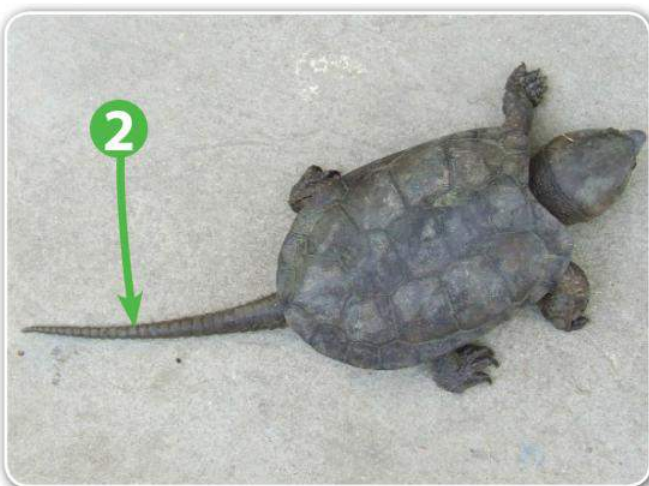
Đặc điểm nhận dạng



Mai thuần dài và dẹt



Đầu to, hàm trên kéo dài thành mỏ khác hẳn so với các loài rùa khác. Đầu to, không thể thụt vào bên trong mai được (1)



Đuôi dài (2) gần bằng chiều dài thân



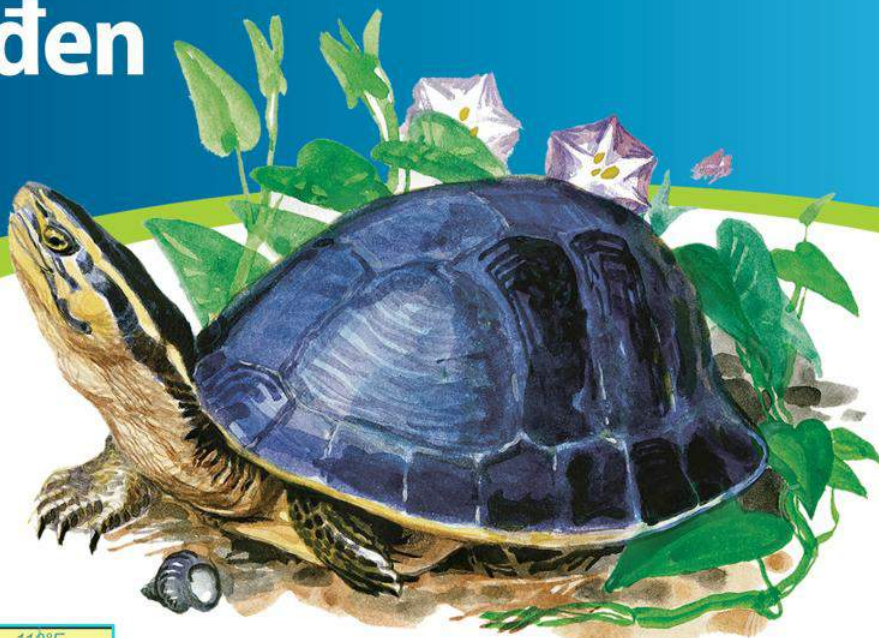
Cá thể non có yếm màu vàng cam và có sọc màu vàng nhạt trên đầu

Những loài tương tự

Loài rùa đầu to (*Platysternon megacephalum*) phân biệt với các loài rùa khác bởi đặc điểm đầu to và đuôi dài.

Rùa hộp lưng đen

(*Cuora amboinensis*)



Bản đồ phân bố



Pháp luật bảo vệ

CITES: Phụ lục II

NĐ06: Nhóm IIB

Hiện trạng bảo tồn

Sách Đỏ Việt Nam (2007):
Sắp nguy cấp

Danh lục Đỏ IUCN (2020):
Nguy cấp

Môi trường sống

Suối và đầm lầy ở vùng rừng thấp, đầm lầy, ao và các ruộng lúa nước, khu vực đất ngập nước và rừng ngập mặn, sống trên cạn và dưới nước

Khu vực phân bố

Việt Nam: Các tỉnh phía Nam, từ Đắk Lắk trở vào

Trên thế giới: Băng-la-dét, Bru-nây, Cam-pu-chia, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, Lào, Ma-lai-xi-a, Mi-an-ma, Phi-líp-pin, Sinh-ga-po và Thái Lan